

Số: 267 /KH-UBND

Lạng Sơn, ngày 08 tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2025; Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Để triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 (sau đây gọi tắt là *Quy hoạch tỉnh*), Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Xây dựng các nhiệm vụ cụ thể, mốc thời gian, lộ trình cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện các đề án, chương trình, dự án; phân công trách nhiệm cụ thể đối với các cấp, các ngành, từng cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh.

Thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện Quy hoạch tỉnh; xem xét điều chỉnh, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

2. Yêu cầu

Bảo đảm tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc; các quy hoạch ngành cấp quốc gia, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; bảo đảm tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án.

Quán triệt các quan điểm, mục tiêu phát triển và các đột phá, tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện nhằm cụ thể hóa các phương án phát triển ngành, lĩnh vực theo từng giai đoạn cụ thể. Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và điều kiện thực tiễn của tỉnh Lạng Sơn.

Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, trong đó chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, khu, cụm công nghiệp.

Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy

động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, đầu tư công có tính dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội để tạo ra sự phát triển đột phá, thúc đẩy quá trình đổi mới các mô hình phát triển ngành, lĩnh vực theo hướng tạo ra giá trị, hiệu quả cao.

Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong thực hiện các lĩnh vực quản lý nhà nước từ tỉnh đến cơ sở.

II. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Các mục tiêu phát triển chung

Xây dựng Lạng Sơn trở thành tỉnh biên giới có kinh tế phát triển, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh, môi trường sinh thái được bảo đảm, là một trong các cực tăng trưởng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc vào năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá vào năm 2035; là trung tâm kết nối kinh tế, thương mại giữa Việt Nam, các nước ASEAN, Trung Quốc và châu Âu. Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch mạnh theo hướng các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch trở thành động lực tăng trưởng chính, ngành nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất nông - lâm sản hàng hóa, được liên kết với tổ chức không gian sản xuất tập trung, phát triển theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ, hiệu quả cao. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hệ thống đô thị hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng ngày càng cao và thực hiện chuyển đổi số hiệu quả trên cả bốn trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và cửa khẩu số. Chất lượng công tác bảo vệ môi trường, ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học được nâng cao, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

Đến năm 2050, Lạng Sơn có nền kinh tế hiện đại, năng động, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại kết nối vùng, quốc tế hiệu quả, hệ thống cửa khẩu hiện đại, xanh, thông minh, an toàn, hiệu quả; là trung tâm kết nối quan trọng giữa các nước Đông Nam Á, Việt Nam với Trung Quốc, Trung Á và châu Âu. Lạng Sơn trở thành vùng đất XANH hấp dẫn đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực, đặc biệt là năng lượng sạch, nông nghiệp, công nghiệp và du lịch. Lạng Sơn đóng vai trò quan trọng trong việc xác định thương hiệu quốc gia của nông sản Việt Nam và là trung tâm quan trọng trung chuyển nông sản, hàng hóa chất lượng cao của Việt Nam và các nước Đông Nam Á đến thị trường khu vực và thế giới. Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, nhất là dịch vụ thương mại, du lịch, logistics và vận tải chiếm tỷ trọng lớn. Các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn, gìn giữ, phát huy hiệu quả, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Môi trường sinh thái được bảo vệ; an sinh xã hội của người dân được bảo đảm; trật tự an toàn xã hội, an ninh biên giới, chủ quyền quốc gia được bảo đảm vững chắc.

2. Các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Về kinh tế

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đến năm 2030 đạt khoảng 111.100 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 từ 10 - 11%.

- Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn đến năm 2030: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 14 - 15%; khu vực công nghiệp - xây dựng 32 - 33%; khu vực dịch vụ 49 - 50%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3 - 4%.

- Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 130 triệu đồng, tương đương khoảng 5.000 USD.

- Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt trên 30%.

- Thu nội địa tăng bình quân hằng năm từ 10% trở lên.

- Tổng vốn đầu tư xã hội cả giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 250 - 270 nghìn tỷ đồng.

- Đến năm 2030, tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP khoảng 50 - 51%.

- Lượng khách du lịch đến năm 2030 đạt khoảng 6.000.000 lượt người; tổng thu từ khách du lịch đạt từ 10.000 tỷ đồng trở lên.

- Kim ngạch xuất khẩu hàng địa phương tăng bình quân hằng năm 10 - 11%.

2.2. Về kết cấu hạ tầng

- 100% hộ dân được sử dụng điện; hoàn thiện đưa vào sử dụng các công trình nguồn điện, lưới điện truyền tải, phân phối đã được quy hoạch và phê duyệt đầu tư.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40% vào năm 2030.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh và khoảng 90% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

2.3. Về xã hội

- Đến năm 2030 dân số đạt khoảng 854 - 856 nghìn người.

- Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt 75,5 tuổi, trong đó số năm sống khoẻ mạnh đạt tối thiểu 68 năm.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,7 - 0,75.

- Số lao động có việc làm đạt khoảng 339.000 người.

- Tỷ trọng lao động có việc làm: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 36 - 37%; công nghiệp và xây dựng 24 - 25%; dịch vụ 38 - 39%.

- Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt từ 76% trở lên; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%.

- Tỷ lệ thất nghiệp khoảng 3 - 3,5%.

- Năng suất lao động đạt trên 320 triệu đồng/người.
- Duy trì tỷ lệ xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã là 100%; đến năm 2030 có 13,5 bác sĩ và 37 giường bệnh trên 1 vạn dân, đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.
- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt trên 70%.
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) giảm 2%/năm.
- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn khoảng 80%.
- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới 60%.
- Tỷ lệ đường xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt trên 90% (theo phân loại đường đến hết năm 2024); tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt trên 95%; toàn tỉnh có 3.000 căn nhà ở xã hội.

2.4. Về bảo vệ môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 65%.
- 100% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom, phân loại và xử lý đạt trên 99%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn được thu gom, phân loại và xử lý đạt khoảng 90%.
- Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

2.5. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

- Tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh.
- Xây dựng lực lượng quân đội, công an chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.
- Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng khu vực biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

III. DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG, THU HÚT ĐẦU TƯ

1. Dự án đầu tư công

Tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030, ưu tiên thực hiện trong lĩnh vực giao thông kết nối vùng, liên vùng, có vai trò quan trọng về phát triển đô thị, phát triển các ngành, sản phẩm, lĩnh vực quan trọng của tỉnh; đặc biệt là các tuyến đường tạo ra không gian phát triển mới, tăng cường khả năng kết nối với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc và các tỉnh tiếp giáp với tỉnh Lạng Sơn để liên kết liên vùng.

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng

điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung đầu tư hạ tầng: đô thị, cấp điện, thủy lợi, khu kinh tế cửa khẩu; Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn, Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, các khu, điểm du lịch của tỉnh; trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích xếp hạng cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt, di tích xếp hạng cấp tỉnh; đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao quan trọng các cấp; đầu tư cơ sở vật chất các cơ sở y tế, cơ sở giáo dục công lập; tăng cường cơ sở vật chất cho lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

(Danh mục các dự án đầu tư công tại Phụ lục I kèm theo)

2. Dự án thu hút đầu tư

Tập trung ưu tiên thu hút dự án đầu tư vào các lĩnh vực sau:

- Lĩnh vực công nghiệp: Ưu tiên thu hút đầu tư kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp; các cụm công nghiệp có vị trí kết nối thuận tiện kết nối với các tuyến hành lang kinh tế dọc theo cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Quốc lộ 4A và cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh nối Lạng Sơn với Cao Bằng, Quốc lộ 4B nối Lạng Sơn với Quảng Ninh; quan tâm thu hút đầu tư đối với các khu, cụm công nghiệp tại các địa bàn khác phù hợp với Quy hoạch tỉnh, gắn với lợi thế về tài nguyên, lao động và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực của địa phương; thu hút các dự án phát triển ngành sản xuất và chế biến, tập trung chế biến nông lâm sản quy mô lớn, cơ sở chế biến, chế tạo ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh; các dự án phát triển năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện gió; các ngành công nghiệp phụ trợ, điện tử và sản xuất hàng hoá xuất khẩu.

- Lĩnh vực dịch vụ: Ưu tiên thu hút các dự án thương mại và dịch vụ kinh tế cửa khẩu; du lịch; dịch vụ vận tải, kho bãi, logistics; dịch vụ y tế theo hướng chất lượng cao, văn minh, hiện đại. Đặc biệt là các dự án phát triển sản phẩm du lịch đặc thù và xây dựng thương hiệu cho du lịch Lạng Sơn, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với hệ thống hạ tầng đồng bộ, sản phẩm đa dạng, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao. Hoàn thành đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật của Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn.

- Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Ưu tiên thu hút các dự án thúc đẩy phát triển một số chuỗi sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, đặc hữu, chất lượng cao theo chuỗi giá trị; áp dụng công nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao; các dự án đầu tư khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

- Lĩnh vực hạ tầng đô thị: Ưu tiên thu hút đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng, tập trung vào các khu đô thị, khu dân cư mới gắn với xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu như cấp nước, cấp điện, nghĩa trang, xử lý chất thải và nước thải

- Đối với Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn và các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh: Tập trung thu hút và mở rộng các dự án phát triển các kho bãi có sức chứa lớn, đa dạng về công năng tùy theo đặc tính thương phẩm và quy trình lưu thông của hàng hóa xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu. Tập trung hoàn thành đầu tư thí điểm và vận hành cửa khẩu thông minh. Nghiên cứu xây dựng khu thương mại tự do/khu hợp tác kinh tế qua biên giới.

(Danh mục các dự án dự thu hút đầu tư tại Phụ lục II kèm theo)

IV. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Phụ lục III kèm theo Kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 268/KH-UBND ngày 19/12/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan:

Xây dựng và ban hành kế hoạch của ngành, lĩnh vực, địa phương mình và có các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) trước ngày 30/7/2026.

Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này và kết quả thực hiện Quy hoạch tỉnh theo quy định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để tổng hợp, báo cáo các bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh theo yêu cầu.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM, TTTT;
- Lưu: VT, KTCN(HVTr).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đình Hữu Học